



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N°: A1028203531

Trang/ Page: 1/2



1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT ẨM KẾ/ THERMO-HYGROMETER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **BEURER**

3. Kiểu/ Model: **HM 16**

Số nhận dạng/ ID: **531**

4. Số hiệu/ SN: **NA**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Độ phân giải nhiệt độ/ Resolution: **0,1 °C**

+ Độ phân giải độ ẩm/ Resolution: **1 %RH**

+ Thang đo nhiệt độ/ Temperature range: **[0 ÷ 50] °C**

+ Thang đo độ ẩm/ Humidity range range: **[20 ÷ 95] %RH**

+ Loại nhiệt ẩm kế/ Type: **Digital**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 - /**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế IOT / IOT Thermohygrometer	TB-544	AoV	07/2024

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,2 ÷ 25,4] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[52,6 ÷ 54,6] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **30/10/2023**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **30/10/2024**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A531**

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.

2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.

3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1028203531

Trang/ Page: 2/2



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

I. KIỂM TRA TRƯỚC BẢO TRÌ/ PRE-MAINTENANCE CHECK

- Kiểm tra tính nguyên vẹn của thiết bị: bình thường./ *Check the integrity of the device: normal.*
- Kiểm tra hiển thị bình thường./ *Check normal display.*

II. TIẾN HÀNH BẢO TRÌ/ CONDUCTING MAINTENANCE

- Dùng khăn sạch thấm cồn lau sạch sẽ toàn bộ bề mặt xung quanh thiết bị./ *Use a clean cloth soaked in alcohol to wipe the entire surface around the device.*
- Kiểm tra pin và thay thế nếu cần./ *Check the battery and replace if necessary.*

III. KIỂM TRA SAU BẢO TRÌ/ POST-MAINTENANCE CHECK

- Kiểm tra thiết bị vẫn đang hoạt động bình thường./ *Check the device is still working properly.*

IV. KẾT QUẢ SAU BẢO TRÌ/ RESULT AFTER MAINTENANCE

- Kết quả kiểm tra sau bảo trì/ *Post-maintenance inspection results*

	Giá trị chuẩn/ Reference Value	Giá trị chỉ thị/ Indication Value	Sai số/ Error
Nhiệt độ/ Temperature:	25,04 °C	24,9 °C	-0,1 °C
Độ ẩm/ Humidity:	60,12 %RH	56 %RH	-4 %RH

- Kết luận: Thiết bị hoạt động bình thường/ *Conclusion: The device works normally.*

--- Hết/ *End* ---

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.